

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2020

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Nguyên P, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố LM, phường LTB, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, anh Lê Nguyên P trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, anh và chị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LTB, huyện HT (nay là phường LTB, thị xã HT), tỉnh Tây Ninh vào năm 2006. Cuộc sống hôn nhân ban đầu anh và chị T khá hạnh phúc. Thời gian sau anh và chị T phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do anh và chị T tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và bất đồng ý kiến trong cuộc sống hôn nhân. Quá trình chung sống vợ chồng anh làm tài xế, chị T ở nhà nội trợ. Hiện nay anh và chị T đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh và chị T không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy đời sống hôn nhân với chị T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T.

Thời gian chung sống vợ chồng, anh và chị T có 02 con chung tên Lê Trần Thảo V, sinh ngày 19-8-2007 và Lê Trần Trọng H, sinh ngày 28-4-2016. Hiện nay cháu V anh đang nuôi dưỡng, cháu H được chị T và bà ngoại của cháu chăm sóc tại khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Cháu Lê Trần Thảo V hiện đang học Trường trung học cơ sở Lý Tự Trọng thuộc thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Cháu Lê Trần Trọng H được chị T và bà ngoại gửi học tại Trường mầm non Đức Trí thuộc thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Khi Tòa án cho anh và chị T ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Trần Thảo V, anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi cháu Lê Trần Trọng H. Anh và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Riêng bị đơn chị Trần Thị Thanh T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án không lý do, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài thời gian.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Nguyên P đối với chị Trần Thị Thanh T. Anh Lê Nguyên P được ly hôn chị Trần Thị Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Lê Trần Thảo V, sinh ngày 19-8-2007 cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Trần Trọng H cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Nguyên P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh P yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị T. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Lê Nguyên P vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Trần Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh P và chị T qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LTĐ, huyện HT (nay là phường LTĐ, thị xã HT), tỉnh Tây Ninh vào năm 2006. Cuộc sống hôn nhân ban đầu anh P và chị T khá hạnh phúc. Thời gian sau anh P và chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P và chị T tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và bất đồng ý kiến trong cuộc sống hôn nhân. Quá trình chung sống vợ chồng anh P làm tài xế, chị T ở nhà nội trợ. Hiện nay anh P và chị T đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh P và chị T không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không ai quan tâm đến ai. Nay anh P nhận thấy đời sống hôn nhân với chị T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên anh P yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T. Chị Trần Thị Thanh T không tham gia tố tụng, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân gia đình giữa anh P và chị T đã đến mức trầm trọng, chị T không thể hiện sự thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Nguyên P đối với chị Trần Thị Thanh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh P và chị T có 02 con chung tên Lê Trần Thảo V, sinh ngày 19-8-2007 và Lê Trần Trọng H, sinh ngày 28-4-2016. Hiện nay cháu V anh đang nuôi dưỡng, cháu H được chị T và bà ngoại của cháu chăm sóc tại khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Cháu Lê Trần Thảo V hiện đang học Trường trung học cơ sở Lý Tự Trọng thuộc thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Cháu Lê Trần Trọng H được chị T và bà ngoại gửi học tại Trường mầm non Đức Trí thuộc thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Cháu Lê Trần Thảo V có nguyện vọng được sống với anh Lê Nguyên P. Để tạo điều kiện cho sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu V và cháu H. Cần giao cháu Lê Trần Thảo V, sinh ngày 19-8-2007 cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Trần Trọng H

cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Nguyên P xác định anh P và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Trần Thị Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh P. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, khi nào các đương sự có phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Lê Nguyên P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh Lê Nguyên P. Anh Lê Nguyên P được ly hôn đối với chị Trần Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Thảo V, sinh ngày 19-8-2007 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Lê Trần Trọng H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh P và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Nguyên P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh P đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017857 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; anh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho anh P và chị T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường LTB;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt